TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:181/2017/QĐST-VHNGĐ	*Long Thành, ngày 22 tháng 11 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 755/2017/TLST-VHNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017, của:

Người yêu cầu:

- Anh Võ Hải D, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp C, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Bùi Thị Bích T, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Tổ Đ, ấp N, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Võ Hải D và chị Bùi Thị Bích T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: có 01 con chung tên là Võ Thị Tâm N, sinh ngày 25/8/2015.

Giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng bắt đầu từ tháng 11/2017 đến khi cháu N trưởng thành và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Anh D được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ em, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

- Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Anh Võ Hải D và chị Bùi Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 006999 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Tam An, (GCN kết hôn số 75/2014, quyển số 01/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Trung